

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Lô 17, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh lộ 25B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000145 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 3 tháng 8 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 17, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Tỉnh lộ 25B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty hiện đang niêm yết toàn bộ số cổ phần trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2009. Mã cổ phiếu: DID.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thái Học

Bà Bùi Thị Anh Vinh

Bà Nguyễn Thị Định

Ông Phạm Văn Thành

Ông Nguyễn Hùng Cường

Ông Đoàn Thanh Long

Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Trần Hoàng Tuấn

Ông Nguyễn Văn Hoàn

Chủ tịch

Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)

Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)

Ủy viên

Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)

Ủy viên

Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)

Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)

Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Học

Ông Nguyễn Văn Thuật

Tổng Giám đốc

Phó Giám đốc thứ nhất

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Thái Học
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2013

Số: **5 1 1** /2013/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/ 2013 đến ngày 30/06/2013
của Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 (gọi chung là “Báo cáo tài chính”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 29 tháng 03 năm 2013 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

Ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong các đoạn dưới đây, Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty đang ghi nhận khoản chi phí hoa hồng khách hàng năm 2012 trên tài khoản phải thu khác và chi phí thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2012 trực tiếp vào tài khoản lợi nhuận chưa phân phối với số tiền lần lượt là 342.000.000 đồng và 157.200.000 đồng. Theo đó, khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (số liệu so sánh) được trình bày thấp hơn với số tiền lần lượt là 342.000.000 đồng và 157.200.000 đồng. Đồng thời, khoản mục phải thu khác và lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày cao hơn với cùng số tiền là 342.000.000 đồng (khoản mục lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày cao hơn với số tiền là 499.200.000 đồng).

Công ty đang ghi nhận chi phí trả trước dài hạn là giá trị vốn góp bằng thương hiệu của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp). Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể xác định việc ghi nhận giá trị vốn góp bằng thương hiệu vào chi phí trả trước dài hạn là phù hợp với các qui định hiện hành. Theo đó, chúng tôi không thể đưa ý kiến nhận xét về tính đầy đủ và tính giá trị của chi phí trả trước dài hạn và khoản mục vốn chủ sở hữu, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

Công ty chưa cung cấp Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến, Công ty liên kết của Công ty. Do đó, chúng tôi không đánh giá mức giảm giá để lập dự phòng (nếu có) cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết này theo các qui định hiện hành. Chúng tôi cũng không thể thực hiện soát xét bằng các thủ tục thay thế khác, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc đánh giá khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

Công ty đã ghi nhận khoản chi phí ủng hộ người nghèo vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ với số tiền là 300.000.000 đồng. Theo quan điểm của chúng tôi, việc ghi nhận này là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Theo đó, khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang và lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày cao hơn với số tiền là 300.000.000 đồng. Đồng thời, khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ được trình bày thấp hơn với cùng số tiền.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0779-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Đinh Văn Thắng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1147-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		100.828.536.889	78.706.189.992
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.156.399.083	5.361.603.745
1. Tiền	111	5.1	4.156.399.083	5.361.603.745
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.599.568.143	44.396.953.704
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	56.525.315.091	32.951.371.680
2. Trả trước cho người bán	132		12.980.524.781	11.497.407.781
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.141.399.583	595.940.358
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.047.671.312)	(647.766.115)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	23.540.590.234	26.486.806.948
1. Hàng tồn kho	141		23.540.590.234	26.486.806.948
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.531.979.429	2.460.825.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.188.672.982	365.677.399
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.777.989	231.390.758
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	2.278.528.458	1.863.757.438
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		59.759.433.137	53.400.416.152
II Tài sản cố định	220		50.347.062.353	48.135.401.768
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	43.907.288.034	39.136.789.305
- Nguyên giá	222		69.545.855.058	62.020.416.268
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.638.567.024)	(22.883.626.963)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	6.439.774.319	8.998.612.463
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.151.500.000	2.151.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.8	6.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	151.500.000	151.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.260.870.784	3.113.514.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.260.870.784	3.113.514.384
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		160.587.970.026	132.106.606.144

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		102.140.272.851	72.966.151.143
I- Nợ ngắn hạn	310		93.176.272.851	67.238.801.143
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	48.107.872.842	36.372.021.028
2. Phải trả người bán	312		38.593.774.891	24.548.967.399
3. Người mua trả tiền trước	313		4.384.778.100	4.192.319.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	1.487.850.617	1.573.627.746
5. Phải trả người lao động	315		13.332.956	11.544.657
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	5.13	457.993.790	432.642.695
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		130.669.655	107.677.868
II- Nợ dài hạn	330		8.964.000.000	5.727.350.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	8.964.000.000	5.727.350.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		58.447.697.175	59.140.455.001
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	58.447.697.175	59.140.455.001
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.408.000.000	7.408.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		453.264.365	453.264.365
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		673.306.541	673.306.541
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(86.873.731)	605.884.095
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		160.587.970.026	132.106.606.144

Nguyễn Thái Học
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Đoàn Thanh Long
Kế toán trưởng

Thân Thanh Hoàng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIỀN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	81.488.775.640	55.478.945.349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		81.488.775.640	55.478.945.349
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	75.731.698.112	47.421.875.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.757.077.528	8.057.069.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	9.832.391	28.418.343
7. Chi phí tài chính	22	5.18	3.033.105.547	2.582.092.797
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.033.105.547	2.582.092.797
8. Chi phí bán hàng	24	5.19	1.242.161.596	642.934.431
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	2.915.841.242	2.357.719.313
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(1.424.198.466)	2.502.741.585
11. Thu nhập khác	31	5.21	1.070.100.568	-
12. Chi phí khác	32	5.21	181.459.928	120.250.000
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31-32)	40		888.640.640	(120.250.000)
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(535.557.826)	2.382.491.585
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	-	208.468.015
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(535.557.826)	2.174.023.570
18. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	(107)	435

Nguyễn Thái Học
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Đoàn Thanh Long
Kế toán trưởng

Thân Thanh Hoàng
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	63.303.966.313	62.487.735.730
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60.638.042.901)	(45.422.637.088)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.813.570.290)	(5.546.179.677)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.294.767.532)	(2.585.392.797)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(17.863.200)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.608.566.627	520.321.837
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.987.233.479)	(4.164.943.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.838.944.462)	5.288.904.909
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.603.156.390)	(18.998.415)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.832.391	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.593.323.999)	(2.018.998.415)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	71.237.324.184	43.904.480.951
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(56.003.260.385)	(44.828.838.100)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.227.063.799	(5.924.357.149)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.205.204.662)	(2.654.450.655)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.361.603.745	7.241.665.764
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.156.399.083	4.587.215.109

Nguyễn Thái Học
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Đoàn Thanh Long
Kế toán trưởng

Thân Thanh Hoàng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 3 tháng 8 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2009. Mã cổ phiếu: DID

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 17, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh lộ 25B, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn

	Tại 30/6/2013		Tại 01/01/2013	
	Cổ phần	Tỷ lệ %	Cổ phần	Tỷ lệ %
Trần Hoàng Tuấn	1.025.800	20,52%	-	0,00%
Lê Thị Thu	578.000	11,56%	578.000	11,56%
Nguyễn Văn Quyển				
(Đại diện vốn của Tổng Công ty	-	0,00%	500.000	10,00%
CP Đầu tư Phát triển Xây dựng)				
Các cổ đông nhỏ lẻ khác	3.396.200	67,92%	3.922.000	78,44%
Tổng	5.000.000	100%	5.000.000	100%

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 118 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh, kết cấu thép, sắt thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng, gỗ (từ nguồn hợp pháp), kim khí, máy móc thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh nhà;
- Môi giới, đấu giá bất động sản;
- Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp; và
- Mua bán, cho thuê, sửa chữa xe chuyên dùng, máy móc thiết bị ngành xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Thông tư 45 có một trong những thay đổi cơ bản so với Thông tư 203 là quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định có nguyên giá với giá trị từ 30.000.000 đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

6 tháng đầu năm 2013Thời gian khấu hao (năm)*Nhóm tài sản*

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 14
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, giá trị thương hiệu DIC và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ phần lớn thể hiện công cụ dụng cụ xuất dụng cho đội xe, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm kể từ khi xuất dùng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định thể hiện chi phí sửa chữa văn phòng và xe vận chuyển, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Giá trị thương hiệu là chi phí Công ty phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp) để được sử dụng thương hiệu DIC, với giá trị là 500 triệu đồng, được phân bổ trong vòng 5 năm bắt đầu từ năm 2010 (năm đầu tiên Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DID).

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (e) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (f) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.301.485.108	2.020.032.601
Tiền gửi ngân hàng	1.854.913.975	3.341.571.144
Tổng	4.156.399.083	5.361.603.745

Công ty đã sử dụng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này.

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Công ty đã sử dụng khoản phải thu trị giá 20 tỷ đồng để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch Đồng Nai.

Công ty đã sử dụng toàn bộ khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty được thụ hưởng, để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai.

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng lương cho nhân viên	188.069.000	192.269.000
Hoa hồng khách hàng còn phải thu	342.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	15.000.000	90.972.000
Nguyễn Huy Hướng	75.838.655	75.838.655
Trung tâm Phát triển quỹ đất Nhơn Trạch	50.000.000	50.000.000
Phạm Văn Bùng - Đồng Nai	63.144.000	63.144.000
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công Lý	56.000.000	56.000.000
Bảo hiểm xã hội còn phải thu	-	9.165.229
Kinh phí công đoàn còn phải thu	55.307.928	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Các đối tượng khác	296.040.000	58.551.474
Tổng	1.141.399.583	595.940.358

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.4 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.076.694.074	17.313.043.360
Công cụ dụng cụ	69.403.985	126.129.481
Thành phẩm	8.377.782.111	9.032.163.972
Hàng hoá	16.710.064	15.470.135
Tổng	23.540.590.234	26.486.806.948
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	23.540.590.234	26.486.806.948

Công ty đã sử dụng giá trị hàng tồn kho với giá trị 15 tỷ đồng để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai.

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	2.278.528.458	1.863.757.438
Tổng	2.278.528.458	1.863.757.438

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2013	11.104.620.550	10.302.933.745	39.013.915.243	87.369.890	1.511.576.840	62.020.416.268
Tăng trong kỳ	280.108.563	3.580.234.600	3.712.813.227	-	-	7.603.156.390
Mua trong kỳ	280.108.563	-	3.712.813.227	-	30.000.000	4.022.921.790
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	3.580.234.600	-	-	-	3.580.234.600
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	77.717.600	77.717.600
Giảm khác	-	-	-	-	77.717.600	77.717.600
Số dư tại 30/06/2013	11.384.729.113	13.883.168.345	42.726.728.470	87.369.890	1.619.294.440	69.545.855.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2013	3.283.768.889	6.149.978.819	12.836.236.153	59.192.390	554.450.712	22.883.626.963
Tăng trong kỳ	338.742.246	926.597.550	1.449.415.263	4.972.500	76.061.630	2.795.789.189
Khấu hao trong kỳ	338.742.246	926.597.550	1.449.415.263	4.972.500	76.061.630	2.795.789.189
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	40.849.128	40.849.128
Giảm khác	-	-	-	-	40.849.128	40.849.128
Số dư tại 30/06/2013	3.622.511.135	7.076.576.369	14.285.651.416	64.164.890	589.663.214	25.638.567.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	7.820.851.661	4.152.954.926	26.177.679.090	28.177.500	957.126.128	39.136.789.305
Tại 30/06/2013	7.762.217.978	6.806.591.976	28.441.077.054	23.205.000	1.029.631.226	43.907.288.034

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.11 và 5.14, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 khoảng 19,5 tỷ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2013: 3.030.982.535 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	8.998.612.463	8.037.956.376
Tăng trong kỳ	3.929.652.365	960.656.087
Kết chuyển tài sản cố định	3.580.234.600	-
Chuyển đi góp vốn	2.908.255.909	-
Tại ngày 30 tháng 6	6.439.774.319	8.998.612.463

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án khu đô thị mới Long Tân (i)	4.871.841.351	4.571.841.351
Hạ tầng kỹ thuật khu nhà tập thể DIC (ii)	1.472.305.131	1.472.305.131
Lắp đặt trạm trộn Phú Mỹ 2	95.627.837	-
Lắp đặt trạm trộn Phú Mỹ	-	46.210.072
Mua sắm tài sản cố định	-	2.908.255.909
	6.439.774.319	8.998.612.463

(i): Dự án xây dựng khu dân cư với diện tích 40 ha tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với tổng vốn đầu tư 5,7 tỷ đồng.

(ii): Dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên của Công ty tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 4712200024 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 9 tháng 10 năm 2009 và thay đổi lần thứ hai ngày 3 tháng 6 năm 2011. Dự án đang đi vào giai đoạn hoàn thiện và quyết toán.

5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	6.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	6.000.000.000	2.000.000.000

Thông tin về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	Huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	40%	40%	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần DIC Minh Hưng (i)	151.500.000	151.500.000
Tổng	151.500.000	151.500.000

(i): Số lượng cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần DIC Minh Hưng là 15.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), tương ứng tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết là 0,89%.

5.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.113.514.384	4.241.136.677
Tăng trong kỳ	1.481.971.851	504.487.264
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	1.334.615.451	1.310.563.142
Tại ngày 30 tháng 6	3.260.870.784	3.435.060.799

Chi tiết số dư tại 30 tháng 6 năm 2013:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ	1.661.168.384	1.381.490.378
Sửa chữa tài sản cố định	1.345.280.922	1.387.084.306
Giá trị thương hiệu DIC	150.000.000	200.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	104.421.478	144.939.700
Tổng	3.260.870.784	3.113.514.384

5.11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng	44.587.872.842	34.862.021.028
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (i)	2.421.331.134	3.284.529.300
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai (ii)	17.660.204.756	14.016.492.020
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (iii)	24.506.336.952	17.560.999.708
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.520.000.000	1.510.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch	3.520.000.000	1.510.000.000
Tổng	48.107.872.842	36.372.021.028

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch dưới hình thức các Hợp đồng tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 5 tỷ với lãi suất vay 17%/năm, mức lãi suất có thể thay đổi phù hợp với lãi suất cho vay trên địa bàn; lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty đã sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc, nhà văn phòng, phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị, tài sản cố định khác để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh 5.6).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai dưới hình thức các Hợp đồng tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 35 tỷ với lãi suất được tính trong từng hợp đồng tín dụng theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và toàn bộ khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty được thụ hưởng, để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh 5.1).
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch tại Đồng Nai dưới hình thức Hợp đồng tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30 tỷ với lãi suất được tính trong từng hợp đồng tín dụng theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất áp dụng theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch tại từng thời điểm nhận nợ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty đã sử dụng giá trị hàng tồn kho trị giá 15 tỷ và khoản phải thu trị giá 20 tỷ để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh 5.1 và 5.2).

5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	738.129.360	913.893.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17.863.200
Thuế thu nhập cá nhân	749.721.257	641.870.996
Tổng	1.487.850.617	1.573.627.746

5.13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Bảo hiểm xã hội	82.011.563	-
Bảo hiểm y tế	15.424.833	44.189.547
Các khoản phải trả, phải nộp khác	353.782.595	366.570.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>70.070.000</i>	<i>77.070.000</i>
<i>Tiền thế chấp tài sản của tài xế</i>	<i>283.500.000</i>	<i>279.500.000</i>
<i>Tiền bồi thường tai nạn Phạm Văn Đồng</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000</i>
<i>Khác</i>	<i>212.595</i>	<i>-</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	6.774.799	21.883.148
Tổng	457.993.790	432.642.695

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn	8.964.000.000	5.727.350.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (i)	1.440.000.000	2.360.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai (ii)	7.524.000.000	3.367.350.000
Tổng	8.964.000.000	5.727.350.000

Vay dài hạn thể hiện khoản vay sau:

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch, phương thức cho vay từng lần với mức dư nợ cao nhất là 7 tỷ, lãi suất từ 15% đến 15,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi trả theo tháng. Thời hạn hợp đồng 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo bằng phương tiện vận tải và các máy móc thiết bị được hình thành từ khoản vay của Công ty (xem thuyết minh 5.6).
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai với phương thức cho vay từng lần; mức dư nợ tối đa là 11 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 15%, điều chỉnh 3 tháng một lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 2 xe chuyển trộn bê tông và 1 xe xúc lật và các tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay của Công ty (xem thuyết minh 5.6).

Khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Trong vòng một năm	3.520.000.000	1.510.000.000
Trong năm thứ hai	3.600.000.000	2.440.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.364.000.000	3.287.350.000
Từ năm thứ năm trở về sau	-	-
Tổng	12.484.000.000	7.237.350.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.520.000.000	1.510.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	8.964.000.000	5.727.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	5.236.537.665	63.771.108.571
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.019.464.922	1.019.464.922
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.019.464.922	1.019.464.922
Giảm trong năm	-	-	-	-	(5.650.118.492)	(5.650.118.492)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(101.946.492)	(101.946.492)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2011	-	-	-	-	(180.360.000)	(180.360.000)
Chi hoa hồng bán hàng	-	-	-	-	(367.812.000)	(367.812.000)
Số dư tại 31/12/2012	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	605.884.095	59.140.455.001
Số dư tại 01/01/2013	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	605.884.095	59.140.455.001
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(535.557.826)	(535.557.826)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	(535.557.826)	(535.557.826)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(157.200.000)	(157.200.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(157.200.000)	(157.200.000)
Số dư tại 30/06/2013	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	(86.873.731)	58.447.697.175

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại 30/6/2013		Tại 01/01/2013	
	Cổ phần	Tỷ lệ %	Cổ phần	Tỷ lệ %
Trần Hoàng Tuấn	1.025.800	20,52%	-	0,00%
Lê Thị Thu	578.000	11,56%	578.000	11,56%
Nguyễn Văn Quyền				
(Đại diện vốn của Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng)	-	0,00%	500.000	10,00%
Các cổ đông nhỏ lẻ khác	3.396.200	67,92%	3.922.000	78,44%
Tổng	5.000.000	100%	5.000.000	100%

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn của các cổ đông lớn như sau:

Theo Thông báo gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ngày 28 tháng 6 năm 2013, Ông Trần Hoàng Tuấn sở hữu 0 cổ phần phổ thông (0%), mua lại cổ phần thông qua phương thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội và giao dịch thỏa thuận. Sau khi chuyển nhượng, tổng số cổ phần phổ thông của Ông Trần Hoàng Tuấn là 1.025.800 cổ phần (20,52%).

Theo Thông báo gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ngày 31 tháng 5 năm 2013, Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng sở hữu 500.000 cổ phần phổ thông (10%), đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho cổ đông khác thông qua phương thức khớp lệnh trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Sau khi chuyển nhượng, tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng là 0 cổ phần (0%).

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)	10.000	10.000

5.16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	80.575.969.931	48.843.120.821
Doanh thu cung cấp dịch vụ	912.805.709	6.635.824.528
Tổng	81.488.775.640	55.478.945.349

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIỀN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	74.969.939.740	44.083.691.644
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	761.758.372	3.338.183.922
Tổng	75.731.698.112	47.421.875.566

5.18 DOANH THU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.832.391	28.418.343
Tổng	9.832.391	28.418.343
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	3.033.105.547	2.582.092.797
Tổng	3.033.105.547	2.582.092.797
Thu nhập tài chính - thuần	(3.023.273.156)	(2.553.674.454)

5.19 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	489.464.739	211.740.533
Chi phí vật liệu, bao bì	12.000.000	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	422.792.701	221.663.534
Chi phí bằng tiền khác	317.904.156	200.530.364
Tổng	1.242.161.596	642.934.431

5.20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.318.975.670	1.262.476.497
Chi phí vật liệu quản lý	40.187.090	44.317.103
Chi phí khấu hao TSCĐ	241.420.682	118.714.841
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	399.905.197	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.573.233	293.054.173
Chi phí bằng tiền khác	475.779.370	636.156.699
Tổng	2.915.841.242	2.357.719.313

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.21 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu nhập khác		
Góp vốn bằng tài sản cố định được đánh giá lại cao hơn giá trị còn lại	1.069.875.619	-
Cho thuê văn phòng	224.949	-
Tổng	1.070.100.568	-
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản góp vốn vào công ty liên kết	115.102.000	-
Phạt vi phạm an toàn giao thông	8.800.000	1.650.000
Phạt vi phạm môi trường	-	114.000.000
Chi phí khác	57.557.928	4.600.000
Tổng	181.459.928	120.250.000
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	888.640.640	(120.250.000)

5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(535.557.826)	2.382.491.585
Các khoản điều chỉnh tăng	231.459.928	-
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	231.459.928	-
Thu nhập chịu thuế	(304.097.898)	2.382.491.585
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	-	595.622.897
Thuế TNDN được miễn giảm 50%	-	297.811.448
Thuế TNDN được miễn giảm 30%	-	89.343.434
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	208.468.015

5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(535.557.826)	2.174.023.570
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(535.557.826)	2.174.023.570
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(107)	435

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.172.693.106	37.665.818.690
Chi phí nhân công	5.091.638.830	4.971.089.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.795.789.189	2.408.926.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.251.472.521	829.868.901
Chi phí dự phòng	399.905.197	-
Chi phí khác bằng tiền	7.178.202.107	4.546.825.180
Tổng	79.889.700.950	50.422.529.310

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ:

Bên liên quan	Tính chất	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
		VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	380.853.315	366.940.963
Tổng		380.853.315	366.940.963

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
		VND	VND
Giao dịch trong kỳ			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	Góp vốn	4.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC	Mua đá nguyên liệu trong kỳ	481.909.500	-
Tổng		4.481.909.500	2.000.000.000

Số dư cuối kỳ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
		VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	Vốn chủ sở hữu	6.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	Phải trả khác	15.000.000	90.972.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng DIC	Phải trả tiền mua vật liệu	481.909.500	-
Tổng		6.496.909.500	2.090.972.000

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.156.399.083	5.361.603.745
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.981.003.362	32.840.994.449
Đầu tư tài chính dài hạn	151.500.000	151.500.000
Tổng	60.288.902.445	38.354.098.194
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	57.071.872.842	42.099.371.028
Phải trả người bán và phải trả khác	39.051.556.086	24.981.610.094
Tổng	96.123.428.928	67.080.981.122

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuân theo Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ nhưng không trọng yếu, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành dầu khí và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tại 30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	39.051.556.086	-	39.051.556.086
Các khoản vay	48.107.872.842	8.964.000.000	57.071.872.842

Tại 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	24.981.610.094	-	24.981.610.094
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	36.372.021.028	5.727.350.000	42.099.371.028

Tài sản tài chính

Tại 30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.156.399.083	-	4.156.399.083
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.981.003.362	-	55.981.003.362
Đầu tư tài chính khác	-	151.500.000	151.500.000

Tại 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.361.603.745	-	5.361.603.745
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.840.994.449	-	32.840.994.449
Đầu tư tài chính khác	-	151.500.000	151.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

6.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất và Bộ phận dịch vụ. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh này như sau:

- Bộ phận sản xuất: sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa.
- Bộ phận dịch vụ: dịch vụ vận chuyển vật liệu xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 chủ yếu tại địa bàn khu vực tỉnh Đồng Nai là doanh thu bán bê tông thành phẩm chiếm 98,88% tổng doanh thu, hoạt động dịch vụ chỉ chiếm 1,12% tổng doanh thu được xem là không cần thiết phải trình bày riêng thành một phần theo Chuẩn mực kế toán số 28 về Báo cáo bộ phận.

Khu vực	Hoạt động kinh doanh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Tỷ lệ
		VND	
Tỉnh Đồng Nai	Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	80.575.969.931	98,88%
Tỉnh Đồng Nai	Doanh thu cung cấp dịch vụ	912.805.709	1,12%
	Tổng	81.488.775.640	100%

6.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Tài chính Quốc tế.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

Nguyễn Thái Học
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Đoàn Thanh Long
Kế toán trưởng

Thân Thanh Hoàng
Người lập